

Bản án số: 540/2021/HC-PT

Ngày 22-6-2021

V/v “Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai về bồi thường, hỗ trợ, tái định
cư khi Nhà nước thu hồi đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Bảo Nguyên

Các Thẩm phán:

1. Bà Lê Hồng Phụng
2. Ông Nguyễn Vũ Trọng Đan

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thái Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Ông Trần Hồng Long - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 5 và 22 tháng 6 năm 2021 tại phòng xử án Tòa
án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (số 131 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận
1, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý
số 02/2021/TLPT-HC ngày 23 tháng 02 năm 2021 về “Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi
Nhà nước thu hồi đất”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2020/HC-ST ngày 15 tháng 12 năm
2020 của Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1772/2021/QĐ-PT
ngày 26/4/2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 5754/QĐ-PT ngày
25/5/2021 và Thông báo số 6163/TB-TA ngày 07/6/2021 về việc thay đổi thời
gian tiến hành phiên tòa, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Quảng Mộng T.

Địa chỉ: 136, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của bà Quảng Mộng T: Ông Ngô Viết T.

Địa chỉ: 360 phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Theo Giấy ủy quyền: Số 3561 ngày 11/5/2021 của Văn phòng Công
chứng L.

2. Người bị kiện:

Ủy ban nhân dân thành phố H, Thành phố Hồ Chí Minh
(Đơn vị kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của Ủy ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh)

Địa chỉ: 168 phường A, thành phố H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố H, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Ông Hoàng Văn H-Phó trưởng Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng thành phố H. (Vắng mặt).

-Ông Huỳnh Vũ L-Trưởng phòng nghiệp vụ 3 Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố H.(Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Tuyết M. (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: 229 phường U, thành phố H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 360 phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Bà Nguyễn Duyên A. (Vắng mặt).

Địa chỉ: 136 Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Duyên A: Ông Ngô Viết T.

Theo Giấy ủy quyền số 000204 ngày 09/01/2020 của Văn phòng Công chứng L (Có mặt).

Địa chỉ liên lạc: 360 phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Bà Nguyễn Trúc A. (Vắng mặt).

Địa chỉ: 136 Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Trúc A: Ông Ngô Viết T.

Theo Giấy ủy quyền số 000203 ngày 09/01/2020 của Văn phòng Công chứng L (Có mặt)

Địa chỉ liên lạc: 360 phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4. Ông Nguyễn Văn T. (Vắng mặt).

Địa chỉ: 870/35 Phường X, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T: Ông Ngô Viết T.

Theo Giấy ủy quyền số 02123 ngày 24/01/2019 của Phòng Công chứng số O (Có mặt).

Địa chỉ liên lạc: 360 phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo.

Bà Quảng Mộng T, Sinh năm 1963

Địa chỉ: 136 Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.. (Vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của bà Quảng Mộng T: Ông Ngô Viết T. (Có mặt)

Theo các Giấy ủy quyền: Số 3561 ngày 11/5/2021 của Văn phòng Công chứng L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 01/02/2002, bà Quảng Mộng T nhận chuyển nhượng bằng giấy tay căn nhà số 231 (nay là 471/11) phường P, Quận C. Căn nhà có diện tích 8m x 12,5m trên phần đất có diện tích 118,5m² thuộc thửa 51, loại đất: T (thổ), địa chỉ số 231 phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh của bà Nguyễn Thị Hồng N. Sau khi mua, bà T liên hệ Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) phường P, Quận C để kê khai làm thủ tục nhà đất thì mới biết nhà và đất thuộc diện quy hoạch giải tỏa mở rộng đường Xa lộ Hà Nội.

Đến ngày 18/8/2011, UBND Quận C ban hành Quyết định số 1419/QĐ-UBND công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ bà Quảng Mộng T (viết tắt là Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 18/8/2011). Tổng số tiền hỗ trợ là 156.583.000 đồng và hộ bà T không đủ điều kiện tái định cư. Không đồng ý với Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 18/8/2011 của UBND Quận C, bà T đã khiếu nại lên UBND Quận C. Kết quả giải quyết khiếu nại:

- + Ngày 24/11/2011, UBND Quận C ban hành Quyết định số 159/QĐ-UBND-TT, giữ nguyên Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 18/8/2011;

- + Đến ngày 31/10/2013, UBND Quận C ban hành quyết định 992/QĐ-UBND hủy bỏ Quyết định số 159/QĐ-UBND-TT ngày 24/11/2011;

- + Cùng ngày 31/10/2013, UBND Quận C ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Điều 1 của Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 18/8/2011. Bổ sung số tiền 44.733.000 đồng cho hộ bà T (Gồm: hỗ trợ đất ở, hỗ trợ nhà, hỗ trợ vật kiến trúc khác) ngày 31/10/2013;

- + Ngày 07/8/2015, UBND Quận C ban hành Quyết định số 221/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Điều 1 của Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 18/8/2011. Bổ sung số tiền 612.937.000 đồng cho hộ bà T (hỗ trợ đất ở, hỗ trợ nhà, hỗ trợ vật kiến trúc khác, hỗ trợ giá trị lãi suất kỳ hạn 12 tháng);

- + Ngày 01/12/2015, UBND Quận C ban hành Quyết định số 472/QĐ-UBND hủy Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 07/8/2015;

- + Cùng ngày 01/12/2015, UBND Quận C ban hành Quyết định số 304/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Điều 1 của Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 18/8/2011. Bổ sung số tiền 560.004.000 đồng cho hộ bà T (hỗ trợ đất ở, hỗ trợ nhà, hỗ trợ vật kiến trúc khác, hỗ trợ giá trị lãi suất kỳ hạn 12 tháng và đủ điều kiện tái định cư 01 nền đất).

* Trong Đơn Khởi kiện đề ngày 25/6/2014, Đơn Khởi kiện bổ sung đề ngày 26/6/2015, Đơn Xin thay đổi nội dung khởi kiện đề ngày 15/09/2015, Người khởi kiện và Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 18/8/2011 của UBND Quận C về công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ bà Quảng Mộng T;

- Hủy Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 31/10/2013 của UBND Quận C về việc điều chỉnh Điều 1 của Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 18/8/2011;

- Hủy Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 của UBND Quận C về việc điều chỉnh Điều 1 của Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 18/8/2011;

- Hủy Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND Quận C về việc điều chỉnh Điều 1 của Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 18/8/2011.

Trong Đơn Xin thay đổi nội dung khởi kiện đề ngày 08/12/2015, Người khởi kiện Quảng Mộng T thay đổi nội dung khởi kiện, cụ thể chỉ xin hủy 02 quyết định:

+ Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 18/8/2011 của UBND Quận C về công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ bà Quảng Mộng T;

+ Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND Quận C về việc điều chỉnh Điều 1 của Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 18/8/2011.

Tòa án nhân dân Quận C đã ra Thông báo bổ sung về việc thụ lý vụ án số 736/TB-TLVA ngày 30/5/2016 thụ lý yêu cầu ghi trong Đơn Xin thay đổi nội dung khởi kiện đề ngày 08/12/2015 của bà Quảng Mộng T.

Đồng thời trong quá trình giải quyết tại Tòa án, Người đại diện của người khởi kiện yêu cầu UBND Quận C bồi thường các khoản sau:

1) Bồi thường đơn giá đất theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND TP.Hồ Chí Minh về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn TP.Hồ Chí Minh, cụ thể:

Căn cứ Điều 6. Xác định hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà Nước thu hồi đất thì đất của bà T bị thu hồi đất đủ điều kiện được bồi thường theo đơn giá đất ở tại vị trí đường Nam Hoà, phường P, Quận C theo đơn giá đất ở của UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành hằng năm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2) Bồi thường tài sản trên đất theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

Căn cứ khoản 1, Điều 20. Bồi thường, hỗ trợ nhà ở, công trình và vật kiến trúc khác gắn liền với đất thuộc sở hữu của các hộ cá nhân, cá nhân thì bà T được bồi thường bằng 100% giá trị xây dựng theo suất vốn đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây dựng ban hành.

3) Bồi thường, hỗ trợ chi phí di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND TP.Hồ Chí Minh, cụ thể:

Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 23 về bồi thường hỗ trợ chi phí di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất thì bà T được hỗ trợ chi phí di là 10.000.000đ/hộ (Mười triệu đồng).

4) Hỗ trợ tiền ổn định đời sống theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND TP.Hồ Chí Minh, cụ thể:

Căn cứ Điều 29 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh bà T yêu cầu được hỗ trợ ổn định đời sống quy định theo khoản 1 số tiền 500.000 đồng/một nhân khẩu/hộ gồm 06 người gồm:

Quảng Mộng T, Vũ Hồng T, Triệu Thị N, Vũ Thị Mai L, Triệu Văn Q, Kiều Văn X là 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng.

5) Hỗ trợ thêm việc chấp hành tốt việc di dời theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND TP.Hồ Chí Minh, cụ thể:

Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 32, mức thưởng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt việc di dời, bà T bị thu hồi toàn bộ do đó được khen thưởng số tiền 15.000.000 đồng/lần (Mười lăm triệu đồng).

6) Bồi thường tổn hại về sức khỏe và tinh thần:

Căn cứ quy định tại Điều 590 Bộ luật Dân sự, bà T yêu cầu bồi thường tổn hại về sức khỏe và tinh thần 100 tháng lương cơ bản. Lý do: Vụ kiện kéo dài quá lâu hơn 07 năm (bảy), nhiều lần UBND Quận C thay đổi quyết định giải quyết khiếu nại áp giá đền bù không đúng vị trí, không đúng đơn giá và bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền bồi thường về tổn hại sức khỏe và tinh thần là: 1.390.000 đồng/tháng x 100 tháng là 139.000.000 (Một trăm ba chín triệu) đồng.

* Ủy ban nhân dân Quận C trình bày:

Ngày 21/11/2008, UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 5073/QĐ-UBND về việc thu hồi đất tại phường P, phường I, phường G, phường O, phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng chuẩn bị thực hiện dự án mở rộng đường Xa lộ Hà Nội. Sau đó, UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 05/02/2009 điều chỉnh Quyết định số 5073/QĐ-UBND ngày 21/11/2008.

Ngày 23/6/2011, Chủ tịch UBND Quận C ban hành Quyết định số 151/QĐ-UBND về việc Phê duyệt Phương án và dự toán đợt 1 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án mở rộng đường Xa lộ Hà Nội (kèm theo Phương án số 06/PABT-HĐBT ngày 13/01/2011 của Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng).

Căn cứ Bản đồ hiện trạng thì diện tích đất 118,5m²; thửa 51; loại đất: T (thổ), địa chỉ số 231, phường P, Quận C của hộ bà Quảng Mộng T thuộc đối tượng thu hồi đất.

UBND Quận C ban hành Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 12/01/2009 và Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 01/3/2010 điều chỉnh Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 12/01/2009 về thu hồi đất hộ bà Quảng Mộng T.

Về nguồn gốc đất: Phần đất nói trên do bà Nguyễn Thị M quản lý sử dụng từ trước năm 1975. Đến năm 1999, bà M lập giấy tay chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Hồng N (vợ ông Không Chung G) cùng năm bà N xây dựng nhà ở. Năm 2002, bà N lập giấy tay chuyển nhượng nhà và đất trên cho bà Quảng Mộng T sử dụng. Nhà và đất không tranh chấp, thống nhất lập hồ sơ bồi thường cho hộ bà T.

Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND Quận C cho rằng việc thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ bà T là đúng quy định tại Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 23/6/2011 của UBND Quận C (kèm theo phương án số 06/PABT-HĐBT ngày 13/01/2011 của Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng) và Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 04/7/2013 của UBND Quận C (kèm theo Phương án số 01/PABT-HĐBT ngày 20/6/2013). Vì vậy, UBND Quận C giữ nguyên Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 18/8/2011 và Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 về việc điều chỉnh Điều 1 của Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 18/8/2011. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T .

* Tại các Bản tự khai ngày 04/4/2019, ngày 14/9/2020. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:

Về nguồn gốc nhà đất bà Quảng Mộng T và quá trình chuyển nhượng nhà đất giữa bà Quảng Mộng T và bà Nguyễn Thị Hồng N như sau:

Năm 1999, mẹ tôi là bà Nguyễn Thị M chuyển nhượng bằng giấy tay quyền sử dụng đất phần diện tích 118,5 m²; thửa 51; loại đất: Thổ, địa chỉ 232, phường P, Quận C cho bà Nguyễn Thị Hồng N. Cũng trong năm 1999 bà N xây dựng nhà trên đất chuyển nhượng. Vào năm 2002 bà N chuyển nhượng nhà đất nêu trên cho bà T .

Khi chuyển nhượng đất cho bà N, gia đình tôi xác định phần đất của bà N có đường hẻm riêng (trước khi chuyển nhượng) đi ra đường Nam Hòa và không có đường đi nào khác nhưng do thuận tiện đi lại bà N thường đi bằng qua phần đất của gia đình tôi quản lý đang bỏ trống để ra đường Xa lộ Hà Nội và sau này bà T cũng tiếp tục đi bằng qua phần đất của nhà tôi.

Khi bán nhà cho bà T , căn nhà chưa làm thủ tục xin Nhà nước cấp số nhà, vào năm 2004 bà T tự lấy địa chỉ số 232, phường P, Quận C của mẹ tôi để có địa chỉ xin ký hợp đồng đồng hồ điện, nước và điện thoại với Nhà nước.

Tóm lại, phần đất mẹ tôi chuyển nhượng cho bà N có đường hẻm riêng đi ra đường Nam Hòa mà không đi ra Xa lộ Hà Nội và đồng thời bà N chưa làm thủ tục xin Nhà nước cấp số nhà.

Do vướng mắc vị trí đất bị thu hồi của bà T , tôi đã yêu cầu Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng, Đo đạc R sao lục bản đồ địa chính (áp ranh tài liệu địa chính 2003) theo Hợp đồng số 841/PLP ngày 10/6/2019 gồm 07 hộ thuộc phần thửa đất 176, tờ bản đồ 08, diện tích 1.315 m², theo Tài liệu 02/CT xã H, huyện T của mẹ tôi quản lý trước năm 1999 gồm các hộ: Bà Nguyễn Thị Kim C, ông Phạm Ngọc C, ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Thu C, bà Nguyễn Thị Tuyết M (tôi) và bà Quảng Mộng T, thì vị trí phần đất của bà T nằm cuối hẻm đi ra đường Nam Hòa. Theo Bản vẽ sơ đồ nhà-đất của bà T do Công ty R đo vẽ theo Hợp đồng số 014/18/HĐDV-ĐCP ngày 04/10/2018 thì vị trí nhà-đất của bà T theo Tài liệu địa chính năm 2003 nằm cuối hẻm đi ra đường Nam Hòa và không có đường đi nào khác ngoại trừ đi nhờ trên phần đất của gia đình tôi.

* Tại Bản tự khai ngày 25/01/2018. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T (chồng bà Quảng Mộng T) trình bày ý kiến:

UBND Quận C ký quyết định bồi thường về thu hồi đất của bà Quảng Mộng T là trái quy định của pháp luật. Vì:

1) UBND Quận C xác định loại đất thu hồi không đúng hiện trạng:

Việc UBND Quận C ban hành 02 Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 18/8/2011 và Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 01/12/2011 của UBND Quận C về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 18/8/2011 của UBND Quận C đối với hộ bà Quảng Mộng T.

Hai quyết định trên có nội dung như sau: Không đền bù đất bị thu hồi của gia đình bà T theo đơn giá đất ở vì đất bị thu hồi là đất trồng cây lâu năm nhưng được UBND Quận C hỗ trợ khung giá đất ở (hẻm đất cấp 1, vị trí 3 Xa lộ Hà Nội theo đơn giá 6.430.000đ/m²).

Giải thích lý do không bồi thường đất ở, UBND Quận C nêu: “Do bà T chuyển mục đích diện tích 118,5m² đất từ nông nghiệp sang đất ở sau ngày 30/9/1995 (thời điểm xây dựng nhà 1999) nên UBND Quận C không được bồi thường mà chỉ được hỗ trợ”.

Việc UBND Quận C đưa ra lý do trên là không hợp lý và trái pháp luật, vì:

- Căn cứ Biên bản họp xét nguồn gốc nhà, đất của bà T ngày 14/12/2009 của Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng (HĐĐBGPMB) Quận C tại UBND P như sau: “Thống nhất nguồn gốc đất do bà Nguyễn Thị M quản lý sử dụng từ trước năm 1975. Đến năm 1999, bà M lập giấy tay chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Hồng N (vợ ông Khổng Chung G) cùng năm bà N xây dựng nhà ở. Đến năm 2002, bà N lập giấy tay chuyển nhượng nhà và đất cho bà Quảng Mộng T sử dụng cho đến nay. Thời điểm xây dựng nhà năm 1999. Nhà và đất không có tranh chấp, thống nhất lập hồ sơ bồi thường cho bà Quảng Mộng T”.

- Căn cứ Công văn số 14524/VPĐK-KT ngày 18/11/2014 của Văn phòng Đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh trả lời cho bà T như sau: Năm 1999, bà Nguyễn Thị M chuyển nhượng bằng giấy tay quyền sử dụng đất phần diện tích 118,5m²; thửa 51; loại đất: T (thổ), địa chỉ số 232, phường P, Quận C cho bà Nguyễn Thị Hồng N và cũng trong năm 1999 bà N xây dựng căn nhà cấp 4. Năm 2002, bà N chuyển nhượng nhà và đất cho bà T. Năm 2004, bà T đăng ký Sổ đỏ ngoại Bản đồ địa chính thửa đất 51, diện tích; 118,5m². Tên người sử dụng: Quảng Mộng T. Địa chỉ: 232 khu phố 3, phường P, Quận C.

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ/CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai của Chính phủ quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 3. Xác định loại đất theo như sau: “*Trường hợp đang sử dụng đất ổn định mà không phải do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng đang sử dụng*”

Tóm lại, nhà đất diện tích 118,5m²; thửa 51; loại đất: T (Thổ), địa chỉ số 232, phường P, Quận C đã được bà N xây dựng năm 1999. Đến năm 2002, bà T nhận chuyển nhượng của bà N nhà đất nêu trên. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng nhà đất nêu trên đã là đất ở nên bà T không chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở.

2) UBND Quận C xác định vị trí đất thu hồi không chính xác:

Căn cứ Bản vẽ sơ đồ hiện trạng nhà và đất của bà Quảng Mộng T theo Tài liệu năm 2003 do Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng R vẽ (HĐ số 414/18/HĐĐV-ĐGP ngày 04/10/2018) đã xác định vị trí hiện trạng phần đất của gia đình bà T bị thu hồi như sau: “Đất của gia đình bà T bị thu hồi diện tích 117,8 m², vị trí hẻm bê tông ra đường Nam Hoà, không phải ra Xa lộ Hà Nội, do muốn ra Xa lộ Hà Nội gần nên bà T phải băng qua phần đất đường nội bộ của chủ đất là bà Nguyễn Thị M ”

3) Căn cứ pháp lý để UBND Quận C ban hành các quyết định bồi thường đất cho bà T không đúng quy định:

Hai Quyết định 1419/QĐ-UBND ngày 18/8/2011 và Quyết định 304/QĐ-UBND ngày 01/12/2011 của UBND Quận C đã dựa vào Quyết định 151/QĐ-UBND ngày 23/6/2011 Phê duyệt Phương án và Dự toán đợt 1 về bồi thường, hỗ trợ tái định cư của Dự án đầu tư mở rộng Xa lộ Hà Nội Quận C nêu căn cứ pháp lý là Phương án và Dự toán đợt 1 nhưng trong danh sách 100 người được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo Bản dự toán đợt 1 không có tên bà T .

Do đó, ông T yêu cầu:

1) Bồi thường đơn giá đất theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể: Căn cứ Điều 6. Xác định hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà Nước thu hồi đất thì đất của bà T bị thu hồi đất đủ điều kiện được bồi thường đất ở tại vị trí đường Nam Hoà, phường P, Quận C theo đơn giá đất ở của UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành hằng năm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2) Bồi thường tài sản trên đất theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể: Căn cứ khoản 1, Điều 20. Bồi thường, hỗ trợ nhà ở, công trình và vật kiến trúc khác gắn liền với đất thuộc sở hữu của các hộ cá nhân, cá nhân thì bà T được bồi thường bằng 100% giá trị xây dựng theo suất vốn đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây dựng ban hành.

3) Bồi thường, hỗ trợ chi phí di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể: Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 23 về bồi thường hỗ trợ chi phí

di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất thì bà T được hỗ trợ chi phí di là 10.000.000 đồng/hộ

4) Hỗ trợ tiền ổn định đời sống theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể: Căn cứ Điều 29 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh bà T yêu cầu được hỗ trợ ổn định đời sống quy định theo khoản 1 số tiền 500.000 đồng/01 nhân khẩu/hộ gồm 06 người gồm: Quảng Mộng T, Vũ Hồng T, Triệu Thị N, Vũ Thị Mai L, Triệu Văn Q, Kiều Văn X là 36.000.000 (ba mươi sáu triệu) đồng.

5) Hỗ trợ thêm việc chấp hành tốt việc di dời theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND TP. Hồ Chí Minh, cụ thể: Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 32. Mức thưởng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt việc di dời, bà T bị thu hồi toàn bộ do đó được khen thưởng số tiền 15.000.000 đồng/lần.

6) Bồi thường tổn hại về sức khỏe và tinh thần.

Căn cứ quy định tại Điều 590 Bộ luật Dân sự, bà T và ông T yêu cầu bồi thường tổn hại về sức khỏe và tinh thần 100 tháng lương cơ bản. Lý do: Vụ kiện kéo dài quá lâu hơn 07 năm (bảy), nhiều lần UBND Quận C thay đổi quyết định giải quyết khiếu nại áp giá đền bù không đúng vị trí, không đúng đơn giá và bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền bồi thường về tổn hại sức khỏe và tinh thần là: 1.390.000 đồng/tháng x 100 tháng là 139.000.000 (một trăm ba chín triệu) đồng.

* Tại Bản tự khai ngày 10/01/2020 của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Duyên A và Bản tự khai ngày 10/01/2020 của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Trúc A (là các con bà Quảng Mộng T) trình bày ý kiến:

Vị trí nhà đất đền bù không chính xác: Về nguồn gốc đất và nhà bà Quảng Mộng T như sau: Năm 1999, bà Nguyễn Thị M chuyển nhượng bằng giấy tay quyền sử dụng đất phần diện tích 118,5 m²; thửa 51; loại đất: Thổ, địa chỉ 232 phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Nguyễn Thị Hồng N và cũng trong năm 1999 bà N xây dựng nhà trên đất. Vào năm 2002 bà N bán căn nhà trên cho bà T.

Theo Bản kiểm kê hiện trạng đất đai, tài sản và hoa màu ngày 11/3/2009 của Tổ Công tác giải phóng mặt bằng của UBND Quận C có nội dung: “Thu hồi diện tích 118,5m², nhà hẻm đất 3m, không mặt tiền Xa lộ, diện tích nhà 44,1 m², tường gạch, trần nhựa, mái tôn, diện tích hiên 8,40m², sân gạch tàu diện tích 22,98 m²”. Bản kiểm kê không ghi nhà đất bà T đi Xa đường Xa lộ Hà Nội.

Hiện trạng vị trí nhà đất xác định qua các tài liệu, chứng cứ sau:

1. Lời khai của bà Nguyễn Thị Tuyết M (chủ đất) bán đất cho bà Nguyễn Thị Hồng N được Tòa án nhân dân Quận C lấy lời khai thì vị trí nhà đất

của bà T đi đường hẻm bê tông ra đường Nam Hòa chứ không phải ra hẻm Xa lộ Hà Nội.

2.Căn cứ Bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 04/10/2018 do Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng R đo vẽ vị trí đất bà T nằm đường hẻm ra đường Nam Hòa.

3.Căn cứ Trích lục Bản đồ địa chính thửa 176, tờ bản đồ 08, Tài liệu 02/CT xã L, huyện T (Áp ranh Tài liệu 2003) do Công ty Thiết kế Xây dựng, Đo đạc Phúc Lộc Phát sao lục ngày 10/6/2019 vị trí nhà đất của bà T đi đường hẻm bê tông ra đường Nam Hòa.

Phần đất bên hông nhà bà T đi ra đường hẻm công cộng đường Nam Hòa và mẹ tôi đã sử dụng từ khi mua nhà đến khi UBND Quận C thu hồi đất thực hiện Dự án Xa lộ Hà Nội.

Việc UBND Quận C cho rằng phần đường hẻm này là phần đất của ông Trần Văn Minh đã được UBND Quận C đền bù nhưng không có chứng cứ chứng minh bản đồ vị trí phần đất này thuộc thửa đất nào, tờ bản đồ nào, theo Tài liệu 02/CT xã L, huyện T (Áp ranh Tài liệu 2003) và ông M có đăng ký phần diện tích này không. Do đó, việc UBND Quận C đã đền bù cho hộ ông M là không đúng pháp luật.

Yêu cầu áp dụng đơn giá vật tư xây dựng đúng quy định pháp luật

Thời điểm thu hồi nhà-đất của bà T để thực hiện Dự án Xa lộ Hà Nội, UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 đền bù theo khung giá xây dựng nhà là 2 triệu/đồng/m² nhưng UBND Quận C lại áp dụng theo Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 20/02/2008 đơn giá cũ áp dụng năm 2008 là 1,8 triệu đồng/m² là không chính xác. Hiện nay, khung giá theo Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hồ Chí Minh là khoản 3.000.000 đồng/m².

Yêu cầu áp dụng các khoản tiền hỗ trợ di chuyển và ổn định cuộc sống

Theo nội dung Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

UBND Quận C đã không hỗ trợ di chuyển cho hộ gia đình bà T số tiền 6.000.000 đồng. không hỗ trợ ổn định cuộc sống cho 6 người gồm: Quảng Mộng T, Vũ Hồng T, Triệu Thị N, Vũ Thị Mai L, Triệu Văn Q, Kiều Văn X 1.000.000 đồng/người.

Gồm 06 người số tiền là: 6.000.000 đồng. Tổng cộng 02 khoản hỗ trợ di chuyển và ổn định cuộc sống là: 6.000.000 đồng + 6.000.000 đồng = 12.000.000 (mười hai triệu) đồng.

* Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, Người đại diện của người khởi kiện trình bày:

+ Phần đất bà T sử dụng có nguồn gốc hợp pháp, không lấn chiếm đất công nên không thể hỗ trợ theo đơn giá 250.000 đồng;

- + Không bố trí tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;
- + Xác định vị trí thu hồi đất không chính xác: đất của bà T bị thu hồi có vị trí hẻm bê tông chứ không phải ra Xa lộ Hà Nội, muốn ra xa lộ Hà Nội phải băng qua đường nội bộ của người khác.

Theo bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày: Vào năm 1999, bà M có chuyển nhượng một phần đất cho bà Nguyễn Thị Hồng N và một số người khác, sau bà N lại chuyển nhượng lại cho bà Quảng Mộng T, đồng thời mở lối đi nội bộ giữa các bất động sản liền kề cho các hộ có lối đi ra xa lộ Hà Nội. Khi chuyển nhượng, bà M xác định phần đất của bà N có lối đi riêng ra đường Nam Hòa nhưng để thuận tiện thì bà N thường băng ngang phần đất của gia đình bà M để trồng, sau bà T cũng tiếp tục băng qua phần đất của bà M.

Tại phiên tòa:

- Đại diện người khởi kiện bà Quảng Mộng T là ông Ngô Việt T trình bày: Bà T giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu:

- + Hủy Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 18/8/2011;
- + Hủy Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 01/12/2015.

Giữ nguyên các yêu cầu đòi bồi thường:

1) Bồi thường đơn giá đất theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể: Căn cứ Điều 6. Xác định hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thì đất của bà T bị thu hồi đất đủ điều kiện được bồi thường theo đơn giá đất ở tại vị trí đường Nam Hoà, phường P, Quận C theo đơn giá đất ở của UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành hằng năm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2) Bồi thường tài sản trên đất theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn TP.Hồ Chí Minh.

3) Bồi thường, hỗ trợ chi phí di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

4) Hỗ trợ tiền ổn định đời sống theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND TP.Hồ Chí Minh.

5) Hỗ trợ thêm việc chấp hành tốt việc di dời theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND TP.Hồ Chí Minh.

Đồng thời rút yêu cầu Bồi thường tổn hại về sức khỏe và tinh thần.

Về xác định vị trí nhà đất: Căn cứ bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 04/10/2018 do Công ty TNHH MTV đầu tư xây dựng R vẽ và căn cứ Trích lục bản đồ địa chính thửa 176, tờ bản đồ số 08, tài liệu 02/CT. xã L, huyện T, (Áp ranh Tài liệu 2003) do Công ty TNHH Thiết kế xây dựng đo đạc U sao lục ngày

10/6/2019 thì vị trí nhà đất của hộ bà T là đường hẻm bê tông đi ra đường Nam Hòa, không phải ra hẻm Xa lộ Hà Nội.

- Đại diện Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Duyên A, bà Nguyễn Trúc A là ông Ngô Viết T trình bày: Giữ nguyên ý kiến theo các Bản tự khai đã nộp cho Tòa án và rút lại yêu cầu bồi thường tổn hại về sức khỏe và tinh thần.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết M có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện người bị kiện vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Việc Người khởi kiện yêu cầu: Hủy Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 18/8/2011 và Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 cùng của UBND Quận C và có yêu cầu đòi bồi thường là không có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 05/2020/HC-ST ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử:

“Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ các yêu cầu của bà Quảng Mộng T và các yêu cầu của những ông, bà Nguyễn Văn T, Nguyễn Duyên A, Nguyễn Trúc A về việc yêu cầu hủy các Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 18/8/2011 và Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của Ủy ban nhân dân Quận C;

2. Không chấp nhận toàn bộ các yêu cầu của bà Quảng Mộng T và các yêu cầu của những ông, bà Nguyễn Văn T, Nguyễn Duyên A, Nguyễn Trúc A về việc yêu cầu:

2.1. Bồi thường đơn giá đất theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

2.2 Bồi thường tài sản trên đất theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

2.3 Bồi thường, hỗ trợ chi phí di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, gồm:

2.4 Hỗ trợ tiền ổn định đời sống theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

2.5 Hỗ trợ thêm việc chấp hành tốt việc di dời theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2.6 *Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu đòi bồi thường tổn hại về sức khỏe và tinh thần.*”

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/12/2020 bà Quảng Mộng T nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 05/2020/HC-ST ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận C, yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa án sơ thẩm, xử: Hủy Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 18/8/2011 và Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 cùng của UBND Quận C, yêu cầu áp dụng Quyết định số 28/UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Ngô Viết T đại diện cho bà T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

-Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

-Đôi với các yêu cầu: Bồi thường đơn giá đất; Bồi thường tài sản trên đất; Bồi thường, hỗ trợ chi phí di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất; Hỗ trợ tiền ổn định đời sống; Hỗ trợ thêm việc chấp hành tốt việc di dời theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh. Đây không phải là yêu cầu khởi kiện mà là các cơ sở pháp lý để chứng minh cho việc bồi thường của UBND Quận C là trái pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của hộ bà T. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 để giải quyết việc bồi thường.

-Giữ nguyên việc rút yêu cầu đòi bồi thường tổn hại về sức khỏe và tinh thần.

-Ông T xác định UBND Quận C không áp dụng Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh để bồi thường là sai. Thời điểm thu hồi nhà đất của bà T, UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 nhưng UBND Quận C lại áp dụng theo Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 20/02/2008 là không chính xác.

-Bà T chỉ mua nhà của bà N, không mua đất nên không có việc bà T chuyển mục đích sử dụng đất trái phép. Pháp luật quy định đất có nhà ở thì không phải là đất nông nghiệp, UBND Quận C đã nhầm lẫn là bà T mua nhà với việc bà T mua đất. Bà T cũng chỉ yêu cầu bồi thường theo đất ở vị trí hẻm đường Nam Hòa, bà T không yêu cầu được bồi thường giá trị phần hẻm. Hơn nữa, theo Sổ dã ngoại Bản đồ địa chính đất bà T được ký hiệu là (T), là đất thổ tức là đất ở.

-Bà T đã nhận khoản tiền hỗ trợ không nhận nên tái định cư, tự lo nơi ở mới là 57.710.000 đồng và tiền khen thưởng là 5.000.000 đồng theo Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 “Về việc công bố tiền hỗ trợ không nhận nên tái định cư, tự lo nơi ở mới và khen thưởng của hộ bà Quảng Mộng T, địa chỉ: 136, Phường H, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh trong dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội tại phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh” (viết tắt là Quyết định số 1385/QĐ-

UBND ngày 31/12/2015), nay bà xin trả lại số tiền 62.710.000 đồng để được mua nền tái định cư.

-Trường hợp hộ bà T phải được bồi thường về nhà, đất ở tại vị trí hẻm bê tông đường Nam Hòa, không đồng ý giải quyết hỗ trợ 100% đơn giá đất ở.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố T trình bày:

-Đề nghị Tòa án bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T ;

-Các văn bản pháp luật có hiệu lực tại thời điểm bồi thường đã được vận dụng đầy đủ, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho hộ bà T .

-Việc bà T xin trả lại số tiền 57.710.000 đồng để được bố trí tái định cư lại, việc này UBND Quận C đang xin ý kiến thành phố nhưng không liên quan đến vụ kiện.

-Cung cấp bổ sung văn bản số 427/UBND-ĐTMT ngày 27/01/2015 về giải quyết vướng mắc liên quan đến việc hỗ trợ lãi suất ngân hàng (ngoài đơn giá bồi thường) đối với vật kiến trúc và diện tích tối thiểu để tính hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu trong Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội và Quốc lộ 1 trên địa bàn Quận C.

*Các đương sự thống nhất bà T đã nhận tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 769.521.000 đồng (chưa tính số tiền 62.710.000 đồng theo Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 31/12/2015) theo các Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 18/8/2011, Quyết định số 520/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Điều 1 của ngày 31/10/2013, Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 27/4/2015 về việc công bố giá trị hỗ trợ lãi suất ngân hàng của hộ bà Nguyễn Mộng T, địa chỉ: 474/11, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh trong dự án đầu tư mở rộng đường Xa lộ Hà Nội tại phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 27/4/2015) và Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 01/12/2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

-Về thủ tục tố tụng:

Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng và đầy đủ các qui định của pháp luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết và xét xử phúc thẩm vụ án hành chính.

Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác toàn bộ kháng cáo của bà T .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Người khởi kiện nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định, nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn qui định tại Điều 206 và Điều 209 Luật Tố tụng hành chính nên kháng cáo là hợp lệ và được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2]. Quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng, thời hiệu khởi kiện:

Về quan hệ pháp luật: Đây là “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất”

Về tư cách tham gia tố tụng, thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng.

[1.3]. Về thay đổi đương sự trong vụ án:

Ngày 09/12/2020 Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 “Về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố T thuộc Thành phố Hồ Chí Minh” (có hiệu lực ngày 01/01/2021) hợp nhất dân số và diện tích các Quận H, Quận C và quận T thành thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, UBND thành phố T kế thừa và thực hiện quyền, nghĩa vụ của UBND Quận C. Vì vậy, người bị kiện trong vụ án được thay đổi là UBND thành phố T.

Đồng thời, Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 cũng giải thể Tòa án nhân dân Quận H, Tòa án nhân dân Quận C và Tòa án nhân dân quận T. Thành lập Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm kế thừa nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân Quận H, Quận C và quận T theo quy định của pháp luật.

[1.4]. Về sự có mặt của đương sự.

Người bị kiện, ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị Tuyết M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2]. Về yêu cầu kháng cáo của bà Quảng Mộng T:

-Yêu cầu sửa án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 18/8/2011 và Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND Quận C.

-Yêu cầu áp dụng Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

[3]. Xét kháng cáo của bà Quảng Mộng T:

[3.1]. Theo Biên bản họp xét nguồn gốc nhà, đất ngày 14/12/2009 tại UBND phường P, về nguồn gốc đất của bà Quảng Mộng T:

Đất do bà Nguyễn Thị M quản lý sử dụng trước năm 1975. Đến năm 1999, bà M lập giấy tay chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Hồng N (vợ ông Không Chung G), cùng năm bà N xây dựng nhà ở. Năm 2002, bà N lập giấy tay chuyển nhượng nhà đất cho bà T sử dụng. Nhà và đất không tranh chấp, nên thống nhất lập hồ sơ bồi thường cho hộ bà T.

Trường hợp hộ bà T có quá trình sử dụng đất ổn định, lâu dài cho đến khi Nhà nước thu hồi đất nên đủ điều kiện được bồi thường, theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ và khoản 1 Điều 44, khoản 1 Điều 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/05/2007 của Chính phủ.

Từ các căn cứ trên UBND Quận C xác định hộ bà T là chủ thể bị thu hồi đất và ban hành các quyết định: Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 18/8/2011 về công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ bà Quảng Mộng T và Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 về việc điều chỉnh Điều 1 của Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 18/8/2011 của UBND Quận C là đúng chủ thể được bồi thường, hỗ trợ và phù hợp pháp luật.

[3.2]. Về vị trí đất.

-Tại Hợp đồng mua bán nhà đề ngày 01/02/2002 giữa bà N và bà T (có xác định địa chỉ nhà đất mua bán: 231, thuộc tổ 5, khu phố 3, phường L, Quận C) nhưng không thể hiện lối đi ra ngoài thửa đất, do vậy theo thông lệ khi bà M chuyển nhượng một phần thửa đất (thuộc thửa 176, tờ bản đồ số 8, theo tài liệu 02/CT-UB có diện tích 1.315 m² tiếp giáp với đường Xa lộ Hà Nội, không có mặt tiếp giáp với đường Nam Hòa) cho bà N thì bà M phải đảm bảo lối đi cho bà N sử dụng lối đi trên đất của bà M để ra đường Xa lộ Hà Nội; bà T là người nhận chuyển nhượng nhà đất từ bà N thì bà T tiếp tục kế thừa quyền sử dụng lối đi của bà N. Thực tế là tại Đơn Khởi kiện đề ngày 25/6/2014 của bà T xác định *“Đất của cô Nguyễn Thị Kim C và đất của Tôi cùng nằm trên một thửa đất của cùng một chủ là Nguyễn Thị M và cùng chung một con hẻm...”*, Văn bản trình bày đề ngày 14/9/2020 của bà Nguyễn Thị Tuyết M và Chứng thư thẩm định giá tháng 9/2015 Của Công ty cổ phần định giá và đầu tư kinh doanh bất động sản V (lập theo yêu cầu bà T) đều được xác định địa chỉ nhà đất bà T số 231 (sau đổi lại là: 474/11) phường P, Quận C, không phải là đường Nam Hòa.

-Tại Trích bản đồ địa chính (Áp ranh TL 2003) sao lục ngày 10/6/2019 và Trích bản đồ địa chính, Hồ sơ kỹ thuật thửa đất 176, Tờ Bản đồ 08, phường P, Quận C tuy có thể hiện nhà và đất hộ Quảng Mộng T có tiếp giáp với thửa đất số 183, tờ Bản đồ số 8. Tuy nhiên, theo văn bản số 105/UBND ngày 16/5/2016 của UBND phường P thì: *“Đối chiếu tài liệu bản đồ 02/CT-UB, phần diện tích đất 95,3m² thuộc một phần thửa 183 bản đồ 08...thực tế là lối đi chung vào 03 hộ dân ông Trần Văn M, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T”*, không có hộ bà N. Mặt khác, hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện bà T (trước đó là bà M, bà N) được quyền thụ hưởng quyền sử dụng lối đi chung của 3 hộ ông M, ông H và bà T hoặc thuộc trường hợp được sử dụng quyền hạn chế đối với bất động sản liền kề theo quy định tại Điều 275 Bộ luật dân sự 2005 (tương ứng Điều 254 Bộ luật dân sự 2015) và Điều 171 Luật đất đai 2013. Do vậy, nếu bà T có đi qua phần lối đi chung (hẻm bê tông) của 3 hộ trên để ra đường Nam

Hòa thì cũng không đồng nghĩa với việc hộ bà T sẽ được tính bồi thường, hỗ trợ theo giá đất đường Nam Hòa.

Nên việc UBND Quận C xác định vị trí nhà đất của hộ bà T tính theo đường Xa lộ Hà Nội là có căn cứ.

[3.3]. Về xác định loại đất để tính giá trị bồi thường.

Tại Văn bản số 14524/VPĐK-KT ngày 18/11/2014 của Văn phòng Đăng ký đất đai-Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh xác định theo Sổ mục kê đất (bộ sao chép) tài liệu Chỉ thị 02/CT-UB: thửa số 176, diện tích 1.315m², loại đất “T”, tên chủ sử dụng “Nguyễn Thị M” nhưng trên Bản đồ lại ghi là “T.V”, như vậy là chưa thống nhất. Trong quá trình sử dụng đất gia đình bà M đã cất nhà ở, sau đó bà M chia đất cho 2 người con và chuyển nhượng thêm cho 5 người khác trong đó có bà N (sau đó bán lại cho bà T), vì vậy cần phải xem xét quá trình sử dụng đất, mục đích sử dụng đất để xác định loại đất bà M chuyển nhượng cho bà N thuộc phần đất ở hay phần đất vườn.

Hồ sơ vụ án thể hiện bà M chuyển nhượng đất trống cho bà N, đối chiếu với bản đồ theo tài liệu 02 thì vị trí phần đất bà M chuyển nhượng cho bà N không phải là vị trí nhà cũ của bà M, phần đất có nền nhà cũ được bà M đã chuyển nhượng những người khác không phải bà N. Phần đất còn lại bà M cất nhà và giao lại cho 2 con của bà sử dụng (một phần đã được cấp GCN); bà T không chứng minh được phần đất 118,5 m² là thuộc phần đất ở của bà M nên UBND Quận C xác định đất của bà T là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm để áp giá bồi thường là có căn cứ. Đồng thời, nhà đất của bà T được xây dựng sau ngày 30/9/1995, nhà xây dựng vi phạm lộ giới nên không được bồi thường phần nhà là đúng quy định.

[3.4]. Về áp giá bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Xét thấy, qua xem xét Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 18/8/2011 về công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ bà T thì UBND Quận C đã tính đúng, đủ theo quy định tại Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 23/6/2011 (kèm theo Phương án số 06/PABT-HĐBT ngày 13/01/2011).

Tuy nhiên, sau đó UBND Quận C đã ban hành Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 04/7/2013 (kèm theo Phương án điều chỉnh, bổ sung số 01/PABT-HĐBT ngày 20/6/2013 để điều chỉnh, bổ sung một số điều trong Phương án số 06/PABT-HĐBT ngày 13/01/2011) và UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành văn bản số 427/UBND-ĐTMT ngày 27/01/2015 về giải quyết vướng mắc liên quan đến việc hỗ trợ lãi suất ngân hàng (ngoài đơn giá bồi thường) đối với vật kiến trúc và diện tích tối thiểu để tính hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu trong Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội và Quốc lộ 1 trên địa bàn Quận C và văn bản số 2359/UBND-ĐTMT ngày 05/5/2015 chấp thuận “...Đối với 05 hộ nhận chuyển nhượng của bà Mãi: Tính hỗ trợ bằng 100% đất ở có trừ nghĩa vụ tài chính theo quy định đối với phần diện tích trong hạn mức đất ở” nên UBND Quận C ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Điều 1 của ngày

31/10/2013, Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 27/4/2015, Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 và Quyết định số 304/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Điều 1 của Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 18/8/2011 có nội dung tính hỗ trợ 118,5m² đất nông nghiệp trồng cây lâu năm của bà T bằng 100% giá đất ở trừ 50% tiền sử dụng đất với số tiền bổ sung là 560.004.000 đồng và bổ sung thêm vật kiến trúc bằng 10% đơn giá và giải quyết tái định cư 01 nền đất là đúng quy định và có lợi cho bà T.

[3.5]. Đối với yêu cầu Tòa án buộc UBND Quận C áp dụng Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh để tính bồi thường đơn giá đất, bồi thường tài sản trên đất; bồi thường, hỗ trợ chi phí di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất, hỗ trợ tiền ổn định đời sống; hỗ trợ thêm việc chấp hành tốt việc di dời, yêu cầu này là không có cơ sở vì không phù hợp với quy định tại Điều 83 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008 (tương ứng Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015).

Tại phiên tòa, ông T xác định lại yêu cầu trên không phải là yêu cầu khởi kiện mà là các cơ sở pháp lý để chứng minh cho việc bồi thường của UBND Quận C là trái pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của hộ bà T. Đối chiếu quy định tại Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính năm 2010 và Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 thì yêu cầu này không phải là đối tượng khởi kiện, nên việc Tòa án nhân dân Quận C xét xử luôn nội dung này là không cần thiết nên Hội đồng xét xử cần sửa án phần này.

[3.6]. Các lập luận khác của ông T đại diện người kháng cáo tại phiên tòa và ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại hồ sơ vụ án là không có căn cứ và ông T cũng không đưa ra được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo là có cơ sở nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T.

Từ phân tích trên có cơ sở xác định Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà T về yêu cầu hủy Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 18/8/2011 và Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND Quận C; đình chỉ việc giải quyết yêu cầu đòi bồi thường tổn hại về sức khỏe và tinh thần của bà Quảng Mộng T là đúng pháp luật.

Riêng việc bà T xin trả lại khoản tiền hỗ trợ không nhận nền tái định cư, tự lo nơi ở mới là 57.710.000 đồng và tiền khen thưởng là 5.000.000 đồng theo Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 “Về việc công bố tiền hỗ trợ không nhận nền tái định cư, tự lo nơi ở mới và khen thưởng của hộ bà Quảng Mộng T, địa chỉ: 136, Phường H, Quận N, thành phố Hồ Chí Minh trong dự án mở rộng xa lộ Hà Nội tại phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh” để xin được tái định cư, việc này không liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5]. Về án phí hành chính:

-Án phí hành chính sơ thẩm: Bà T phải chịu là 200.000 đồng.

-Án phí hành chính phúc thẩm: Bà T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

-Điều 241 và Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

-Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Quảng Mộng T.

2. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2020/HC-ST ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (đơn vị kế thừa trách nhiệm và quyền hạn là Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh).

2.1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Quảng Mộng T và các yêu cầu của những ông, bà Nguyễn Văn T, Nguyễn Duyên A, Nguyễn Trúc A về việc yêu cầu Tòa án hủy các quyết định sau của Ủy ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh:

-Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 18/8/2011 về công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ bà Quảng Mộng T của Ủy ban nhân dân Quận C;

-Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 về việc điều chỉnh Điều 1 của Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 18/8/2011 của Ủy ban nhân dân Quận C Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu đòi bồi thường tổn hại về sức khỏe và tinh thần của bà Quảng Mộng T.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Quảng Mộng T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hành chính sơ thẩm và được trừ vào 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/05426 ngày 01/8/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh). Bà T đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

3.2. Án phí hành chính phúc thẩm:

Bà T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Hoàn lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0047323 ngày 22/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- TAND thành phố T, TP.HCM;
- Cục Thi hành án Dân sự TP.HCM;
- Chi cục THADS thành phố T, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Bảo Nguyên

